Tổng quan:

PHP basic:

- Ngôn ngữ

- Request (HTTP), session, cookies ( test 1 có ghi vào file text )

- Connect database, query DB. (w3schools.com)

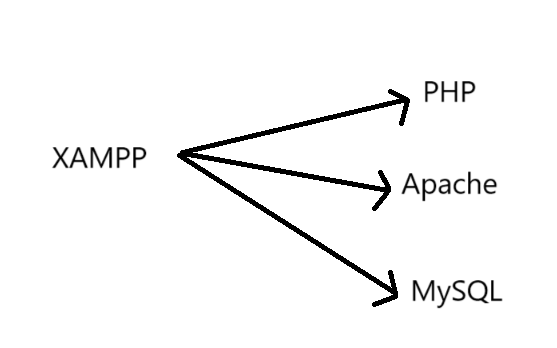
Bài 1: Tổng quan về PHP & MySQL

- php

- về mysql

- giao thức HTTP

- web tĩnh và web động



* Giới thiệu về php:

PHP là kịch bản phía máy chủ ( server script ) chạy trên phía server ( server side ) như cách server script khác ( asp, jsp, cold fusion)

PHP là kịch bản cho phép chúng ta xây dựng ứng dụng web trên mạng internet hay intranet tương tác với mọi cơ sở dữ liệu như mysql, postgréql, oracle, sql server và access.

* Giới thiệu về my sql:

My sql là hệ quản trị cơ sở dữ liệu tự do nguồn mở phổ biến nhất thế giới và được các nhà phát triển rất ưa chuộng trong quá trình phát triển ứng dụng

Link tải: httpts://www.mýql.com/downloads/

* Giao thức HTTP:

HTTP là giao thức cơ bản cho giao tiếp trong world wide web:

* Hoạt động theo mô hình client-server
* Sử dụng url để định danh tài nguyên trên server
* Sử dụng tcp: truyền tin đáng tin cậys
* Phi kết nối ( connectionles) & phi trạng thái (stateless)
* HTTP Protocol:
  + Định dạng message
  + Request method
  + Response code

Web tĩnh vs web động:

- web động có thể sử dụng ngôn ngữ lập trình trên server để xử lý dữ liệu trước khi trả về nội dung cho client.

- Nội dung trả về cho clent vẫn là html/js/css.

Document.wirte()

Echo” you must log in first”

Kiến trúc của ứng dụng web:

Cú pháp php cơ bản:

Php được đóng gói trong thẻ:

<?php

Phần code

?>

Có thể dùng thẻ ngắn trong 1 số trường hợp

<%= $variable; %>

<?php echo $variable; ?>

Nếu thẻ php ở cuối file, nên bỏ qua thẻ đóng:

<?php

Echo “xử lí logic”;

Echo “kết thúc file” ;

tạo ra 10 dòng:

<?php

For ($I=1;$I<=10;$I++){

Echo “<li>$I</li>”;

}

?>

Cách khác:

<html>

<?php

For($I=1;$I<=10;$I++){

?>

<li><?=$I?></li>

<?php>

}

?>

</html>

- Mỗi lệnh trong php phải kết thúc bằng kí tự “;”

- thẻ đóng php sẽ được hiểu là kết thúc dòng lệnh, nên không cần thêm kí tự “;” trước thẻ đóng php

- comment: //( # ) cmt 1 dong, /\* nhieu dong \*/

Hằng số trong php:

- hằng số là một định danh dùng để lưu một giá trị đơn giản

<?php define (“SO PI”, 3,14);

Define (“Friday”,”Thu 6”);

Echo SO PI;

Echo Friday;

- Hằng số không thể thay đổi giá trị

- Tên hằng số phải bắt đầu bằng dấu \_ hoặc chữ cái

- Sau kí tự đầu tiên, có thể có thêm chữ số trong tên của hằng.

- Tên hằng số có phân biệt chữ hoa, chữ thường

- Nên đặt tên hằng số bằng chữ hoa để dễ phân biệt

- Không nên đặt tên hằng số bắt đầu và kết húc bằng dấu 2 dấu \_ vì có thể trùng tên với hằng số định nghĩa bởi PHP.

Define ( tên hằng số, giá trị);

Salary = rate \* 2000000

2.34

Biến trong PHP:

- Biển trong php bắt đầu bằng dấu $, theo sau là dấu \_ hoặc chữ cái, sau đó có thể có thêm chữ số, tên biến chỉ sử dụng ký tự chữ, số và dấu gạch nối \_.

- Tên biến có phân biệt chữ hoa, chữ thường

<?php

$var = ‘Bob’;

$Var = ‘Joe’;

Echo $var; //BOB

Echo $Var; //Joe

- $this là biến đặc biệt trong PHP, không thể dùng tên biến này.

- Có thể dùng lệnh print\_r($biến\_1) hoặc var\_dump($biến\_2) để kiểm tra kiểu của biến

Tầm hoạt động của biến:

Trong php biển có thể khai báo ở bất kỳ đâu.

- Phạm vi hoạt động của biến là phần chương trình có thể sử dụng được biến đó.

- phạm vi hoạt động của biến trong php có 3 loại:

+ Toàn cục ( global )

+ cục bộ ( local )

+ Tĩnh ( static )

Biến toàn cục:

- Biến toàn cục là biến khai báo ở bên ngoài hàm và chỉ có thể truy xuất ở bên ngoài hàm.

$GLOBALS[X];

Biến tĩnh:

- THông thường một biến cục bộ sẽ bị xóa khi hàm thực hiện xong. Nếu chúng ta muốn biến không bị xóa thì sử dụng từ khóa static khi khai báo biến.

<?php

Function myTest(){

Static $x = 0;

Echo $x;

$x++;

}

myTest();

myTest();

myTest();

?>

OUTPUT: 0 1 2

Biến trong PHP:

\* Gán biến theo giá trị & tham chiếu:

+ Gán theo giá trị: Copy giá trị sang vùng nhớ mới

+ Gán theo tham chiếu: Hai biến trỏ tới cùng một vùng nhớ

<?php

$a = “An”;

$b = $a;

$b = “Oanh”;

Echo $b; //Oanh

Echo $a; //An

$c = &$a;

$c = “Bình”;

Echo $a; //Bình

?>

Biến đã được đăng kí bởi PHP:

+ $GLOBALS

+ $\_SERVER, $\_ENV

+ $\_GET, $\_POST, $\_REQUEST, $\_FILES

+ $\_COOKIE, $\_SESSION

$this

+ $argc, $argc, $argv

Biến của biến:

<?php

$a = “Hello”;

${$a} = ‘Hello, world’;

Echo $hello; //Hello, world;

Các kiểu dữ liệu cảu PHP:

* String
* Integer
* Float / also double
* Boolean
* Array
* Object
* Null

PHP string:

Php string là một chuỗi các kí tự được bao trong cặp dấu nháy đơn hoặc nháy kép:

<?php

$x = “Hello world “;

$y = ‘Hello world ‘ ;

Echo $x;

Echo “<br>”;

Echo $y;

?>

OUTPUT: Hello world

Hello world

PHP Arrray

+ php array là một biến mà có thể mang nhiều giá trị

<?php

$cars = array(“Volvo”,”BMW”,”Toyota”);

Var\_dump($cars)

PHP Object

+ PHP object là kiểu dữ liệu đối tượng nó chứa dữ liệu và thông tin về cách xử lý dữ liệu này.

<?php

Class car{

Function car()

Php null

Php resource

- Là một kiểu dữ liệu đặc biệt để phản ánh thông tin về tài nguyên I/O của hệ thống như:

* Thông tin về các thao tác đọc ghi file.
* Thông tin về kết nối database.
* Thông tin về kết nối mạng.

Các toán tử trong PHP:

Gán:

$a = $b, $c =&$a, $d = $a + $b

Toán học:

Đảo dấu: -$a

Cộng trừ nhân chia:

Mũ: $a\*\*$b

SO SÁNH:

Bằng nhau : ==

Khác nhau: !=, <>

Lớn hơn, nhỏ hơn: >,<,>=,<=

Bằng nhau, cùng kiểu dữ liệu: ===

Khác nhau,so cả kiểu dữ liệu: !==

Toán tử logic:

VÀ: and, &&

Hoặc : or, ||

XOR: xor

NOT: !

Nối chuỗi: $a = $b.$c

Gán nhanh: $a += $b; // $a = $a+$b;

Toán học: +=, -=,\*=,/=,%=

Nối chuỗi: .=

Một số toán tử khác:

$a = $b ? $c : $d

Phân biệt biểu thức & câu lệnh

Một số bài toán:

Viét chương trình hiển thị giơi thiệu về bản thân

Hiển thi diện tích hình tròn khi biết bán kính

Gỉai phương trình bậc 2 khi biết 3 tham số a,b,c

Gợi ý: sử dụng hàm sqrt (x): tính căn bậc 2 của x

Hằng số pi M\_PI hoặc sử dụng pi()

Nội dung:

Cấu trúc rẽ nhánh

Cấu trúc lặp

Một số cấu trúc điều khiển khác

Cấu trúc rẽ nhanh

PHP cung cấp các cấu trúc rẽ nhánh sáu:

If - thực hiện biểu thức điều kiện là dúng

If - else 0 thực hiện một hoặc nmột số câu lệnh nếu biểu thức cđiều kiện là đúng, trái lại ( biểu thức điều kiện ) là sai ( false)) thì thực hiện một số câu lệnh khác.

If else if else 0 thực hiện các đoạn mã khác nhau với nhiều hơn 2 điều kiện

Switch - lựa chọn một trong số nhiều khối lệnh để thực hiện